8.3. KÝ HIỆU THỂ HIỆN LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU		
	HIỆN TRẠNG [1]	QUY HOẠCH	
		CẤP TRÊN PHÂN BỔ	CẤP TỈNH XÁC ĐỊNH/ XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất trồng lúa		mã HT LUA	0,1 3,0 mã HT LUA
Đất chuyên trồng lúa nước		mã HT LUC	mã HT LUC
Đất trồng cây hàng năm khác			mã HT HNK
Đất trồng cây lâu năm		mã HT CLN	mã HT CLN
Đất rừng phòng hộ		mã HT RPH	mã HT RPH
Đất rừng đặc dụng		mã HT RDD	mã HT RDD
Đất rừng sản xuất		mã HT RSX	mã HT RSX
Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên		mã HT RSN	
Đất nuôi trồng thủy sản			mã HT NTS
Đất làm muối			mã HT LMU
Đất nông nghiệp khác			NKH
Đất quốc phòng		mã HT CQP	
Đất an ninh		mã HT CAN	
Đất khu công nghiệp		mã HT SKK	

Đất cụm công nghiệp		mã HT SKN	
Đất thương mại, dịch vụ		mã HT TMD	mã HT TMD
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		mã HT SKC	mã HT SKC
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản		mã HT SKS	mã HT SKS
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm			mã HT SKX
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	mã HT DHT	mã HT DHT
Trong đó:			
- Đất giao thông		mã HT DGT	mã HT DGT
- Đất thủy lợi		mã HT DTL	mã HT DTL
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa		mã HT DVH	mã HT DVH
- Đất xây dựng cơ sở y tế		mã HT DYT	mã HT DYT
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo		mã HT DGD	mã HT DGD
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao		mã HT DTT	mã HT DTT
- Đất công trình năng lượng		mã HT DNL	mã HT DNL
- Đất công trình bưu chính, viễn thông		mã HT DBV	mã HT DBV
- Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	mã HT DKG	
- Đất cơ sở tôn giáo		mã HT TON	
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa		mã HT DDT	

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			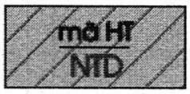
- Đất bãi thải, xử lý chất thải		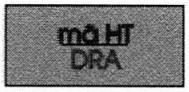	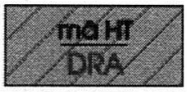
- Đất xây dựng cơ sở khoa và công nghệ			
- Đất cơ sở dịch vụ xã hội			
Đất danh lam thắng cảnh		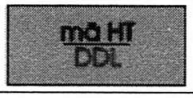	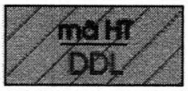
Đất sinh hoạt cộng đồng			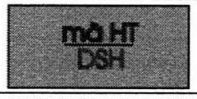
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng			
Đất ở tại nông thôn		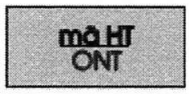	
Đất ở tại đô thị		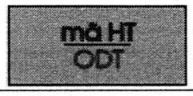	
Đất xây dựng trụ sở cơ quan			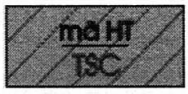
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp			
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao		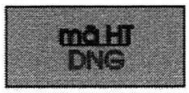	
Đất tín ngưỡng			
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối			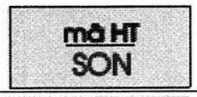
Đất có mặt nước chuyên dùng			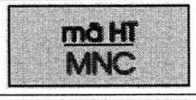
Đất phi nông nghiệp khác			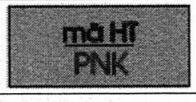
Đất chưa sử dụng	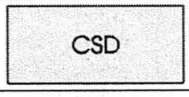	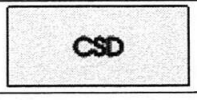	

Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất Năm …: Năm kế hoạch DT: Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch	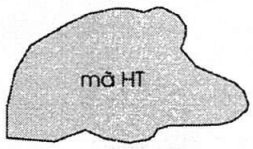	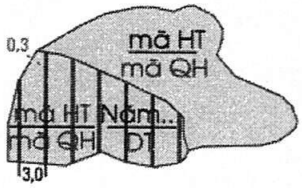
Ranh giới đất khu công nghệ cao		
Ranh giới đất khu kinh tế		
Ranh giới đất đô thị		
Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)		
Ranh giới khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)		
Ranh giới khu du lịch		
Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		
Ranh giới khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)		
Ranh giới khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)		
Ranh giới khu thương mại - dịch vụ		
Ranh giới khu đô thị khu - thương mại - dịch vụ		
Ranh giới khu dân cư nông thôn		
Ranh giới khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn		

Sông, suối, hồ, ao	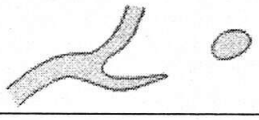	
Kênh, mương		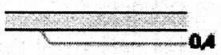
Đập		

Ghi chú:

(1) Các ký hiệu không thể hiện trong cột này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(*) Mã trong các khoanh đất này theo mã đã được thể hiện trên bản đồ Hiện trạng sử dụng đất xây dựng từ kết quả kiểm kê đất đai.

8.4. BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM

8.4.1. Mẫu bản vẽ trên nền bản đồ địa chính:

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ....

ĐỊA ĐIỂM (thôn/ấp/..., xã): .....

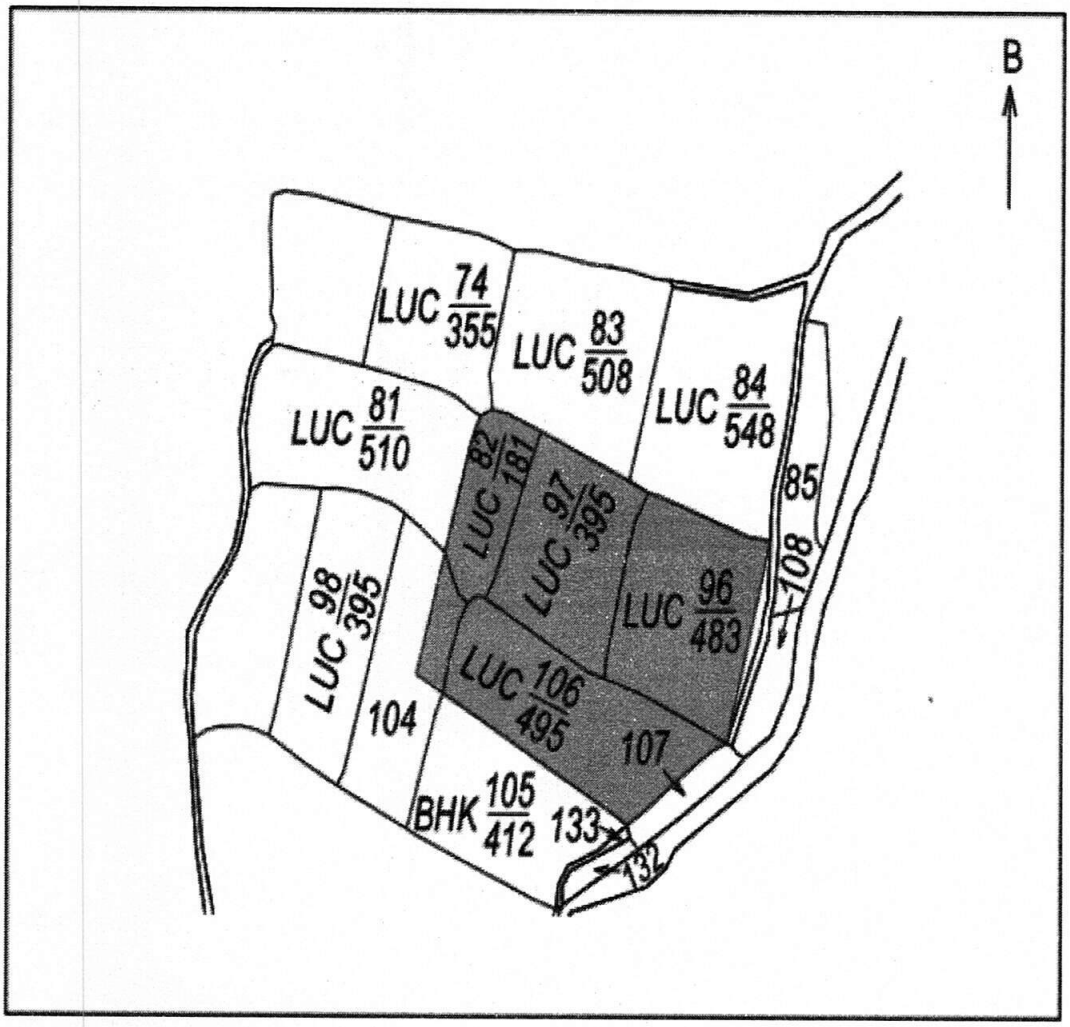

- Bản đồ địa chính xã/phường/thị trấn ... tỷ lệ ....
- Số tờ bản đồ địa chính:...
- Diện tích công trình/dự án: ... ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: ... (Ví dụ: Đất cụm công nghiệp (SKN))

8.4.2. Mẫu bản vẽ trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất (đối với trường hợp không có bản đồ địa chính):

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ....

ĐỊA ĐIỂM: .....

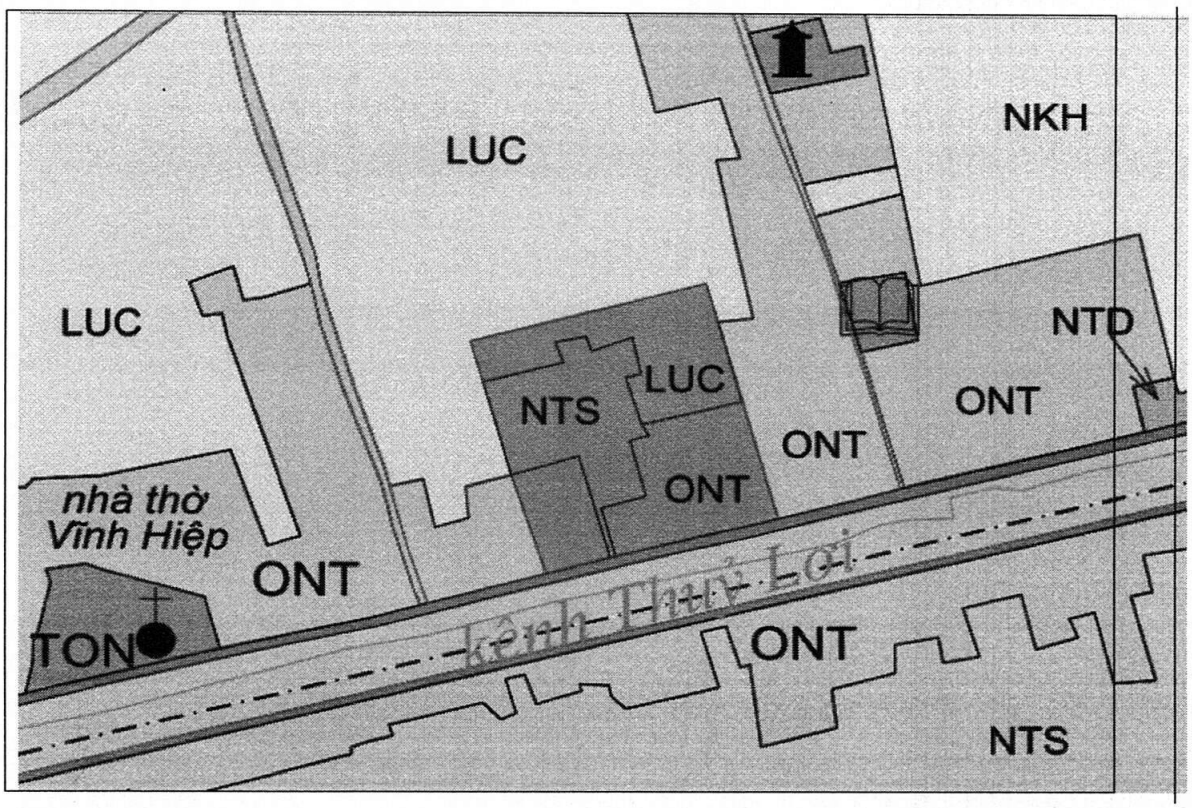

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã/phường/thị trấn ... tỷ lệ ....

- Diện tích công trình/dự án: ... ha

- Loại đất quy hoạch sử dụng: ... (Ví dụ: Đất cụm công nghiệp (SKN))

8.5. BẢN ĐỒ KHU VỰC CẦN CHUYỂN MỤC SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH

Bản đồ khu vực cần chuyển mục sử dụng đất trong năm kế hoạch được xây dựng trên nền bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện thì chỉ thể hiện màu những khu vực có thay đổi mục đích sử dụng đất; đối với các khu vực không thay đổi mục đích sử dụng đất thì không phải thể hiện màu loại đất (in thể hiện chung màu trắng). Các yếu tố nền của bản đồ kế hoạch sử dụng đất giữ nguyên.

8.6. MÀU KÝ HIỆU LOẠI ĐẤT TRÊN BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

LOẠI ĐẤT VÀ RANH GIỚI KHU CHỨC NĂNG	Mã	Thông số màu loại đất			
		Số màu	Red	Green	Blue
Đất phát triển hạ tầng	DHT	59	255	170	160
Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	96	255	170	160
Khu chức năng					
Ranh giới đất khu công nghệ cao	KCN	142	255	80	90
Ranh giới đất khu kinh tế	KKT	206	255	127	0
Ranh giới đất đô thị	KDT	245	255	30	252
Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	2	255	252	110
Ranh giới khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	18	170	255	50
Ranh giới khu du lịch	KDL	207	0	255	255
Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	202	0	168	0
Ranh giới khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	55	255	170	160
Ranh giới khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	42	255	160	255
Ranh giới khu thương mại - dịch vụ	KTM	62	250	170	160
Ranh giới khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	170	255	170	255
Ranh giới khu dân cư nông thôn	DNT	41	255	208	255
Ranh giới khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	56	255	170	160

8.7. MẪU XÁC NHẬN BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA

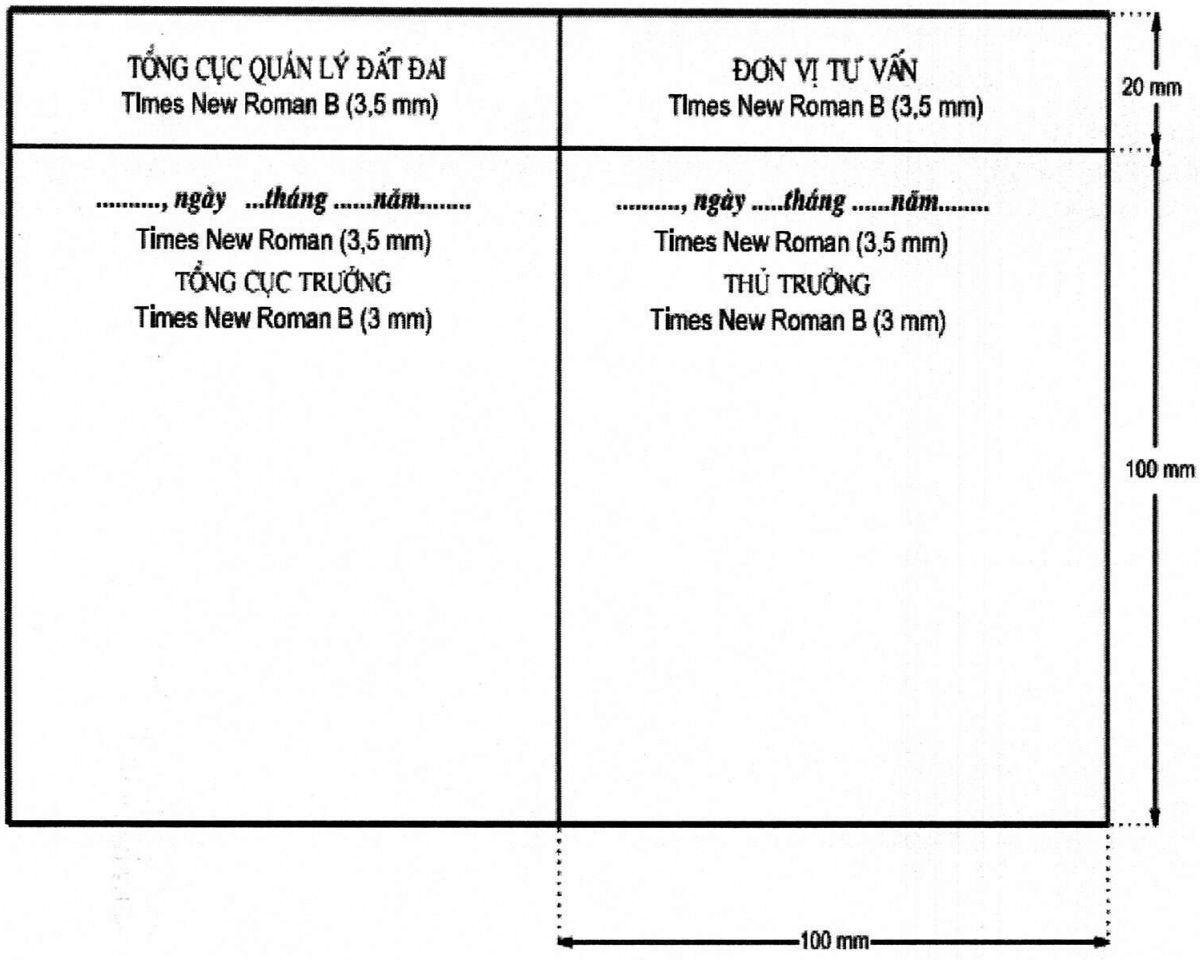

8.8. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm)	TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI Times New Roman B (3,5 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm)
....., ngày ...tháng .....năm..... Times New Roman (3,5 mm) BỘ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) TỔNG CỤC TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)

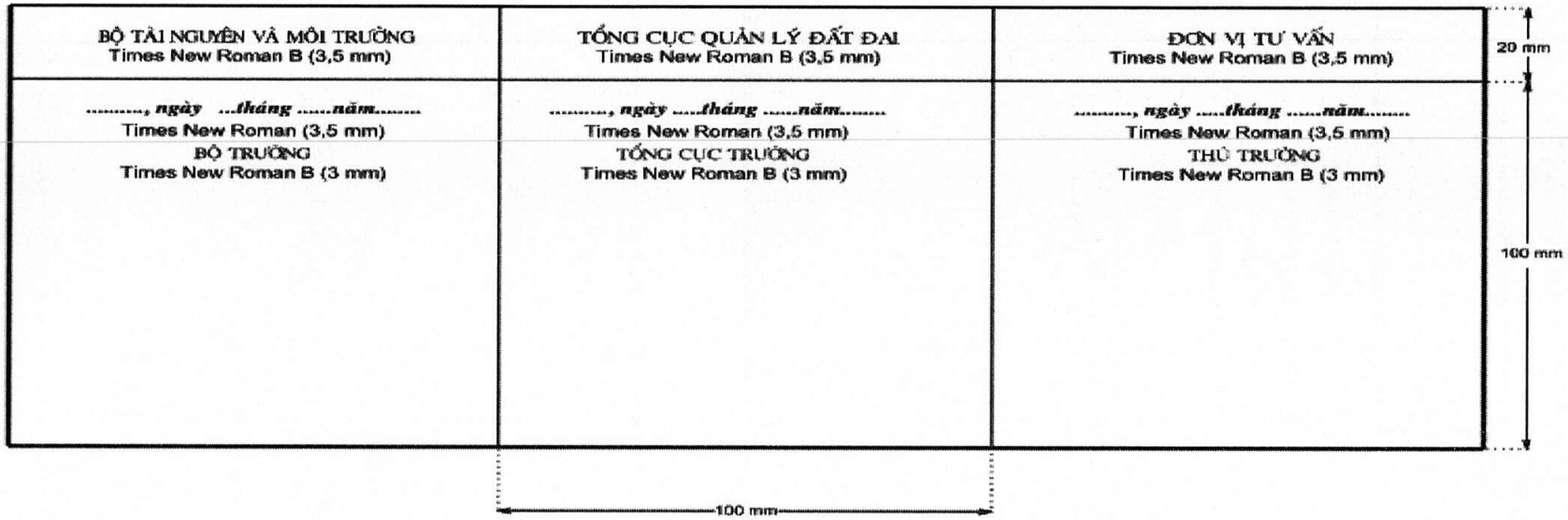

8.9. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm)	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm)
....., ngày ...tháng .....năm..... Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) GIÁM ĐỐC Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)

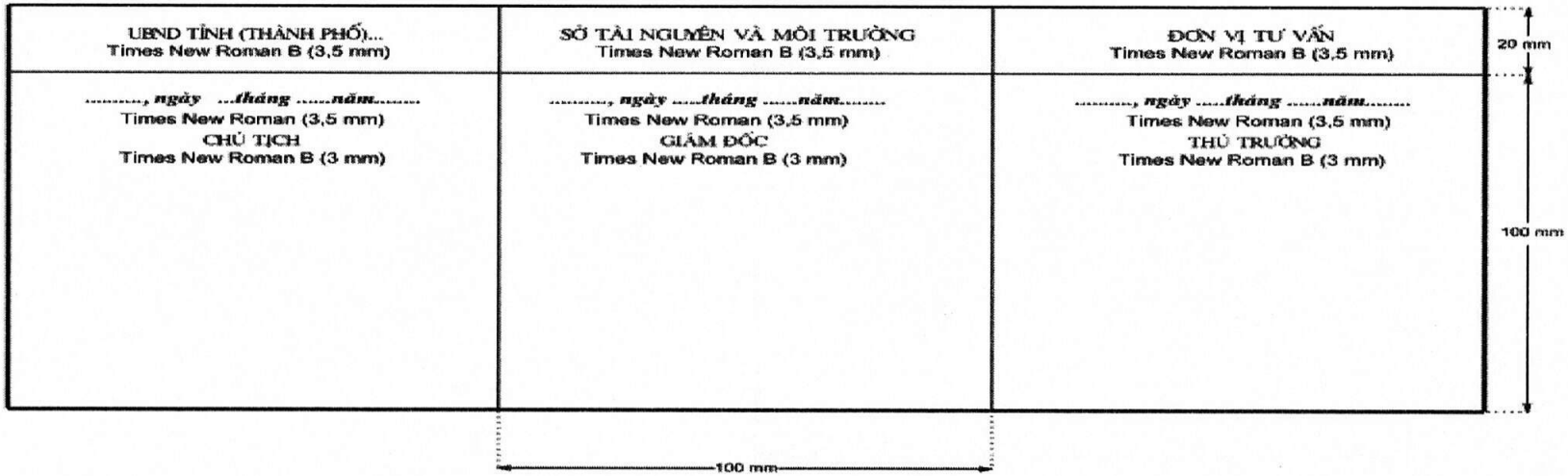

8.10. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm)	UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm)	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm)
....., ngày .....tháng .....năm..... Times New Roman (3,5 mm) BỘ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày ...tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) GIÁM ĐỐC Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)

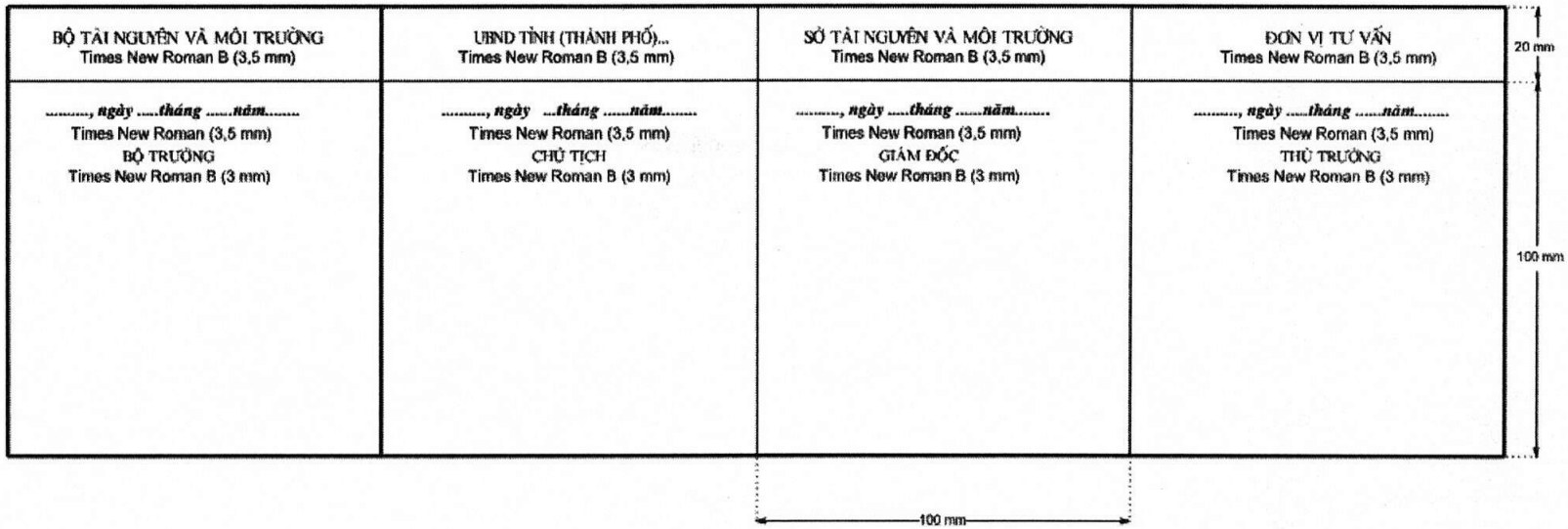

8.11. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

UBND HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm)	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Times New Roman B (3,5 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm)
....., ngày ...tháng .....năm..... Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) TRƯỞNG PHÒNG Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)

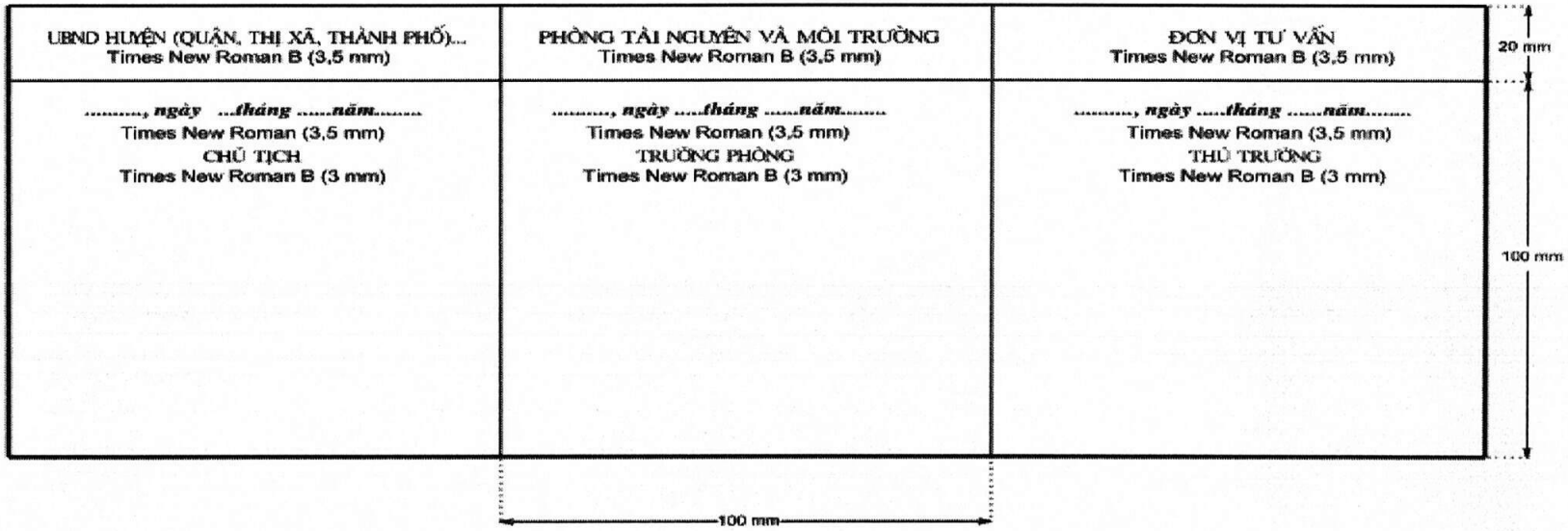

8.12. MẪU XÁC NHẬN VÀ KÝ DUYỆT BẢN ĐỒ QUY HOẠCH/KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm)	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH (TP)... Times New Roman B (3,5 mm)	UBND HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)... Times New Roman B (3,5 mm)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN Times New Roman B (3,5 mm)
....., ngày ...tháng .....năm..... Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày ...tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) GIÁM ĐỐC Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) CHỦ TỊCH Times New Roman B (3 mm)	*....., ngày .....tháng .....năm.....* Times New Roman (3,5 mm) THỦ TRƯỞNG Times New Roman B (3 mm)

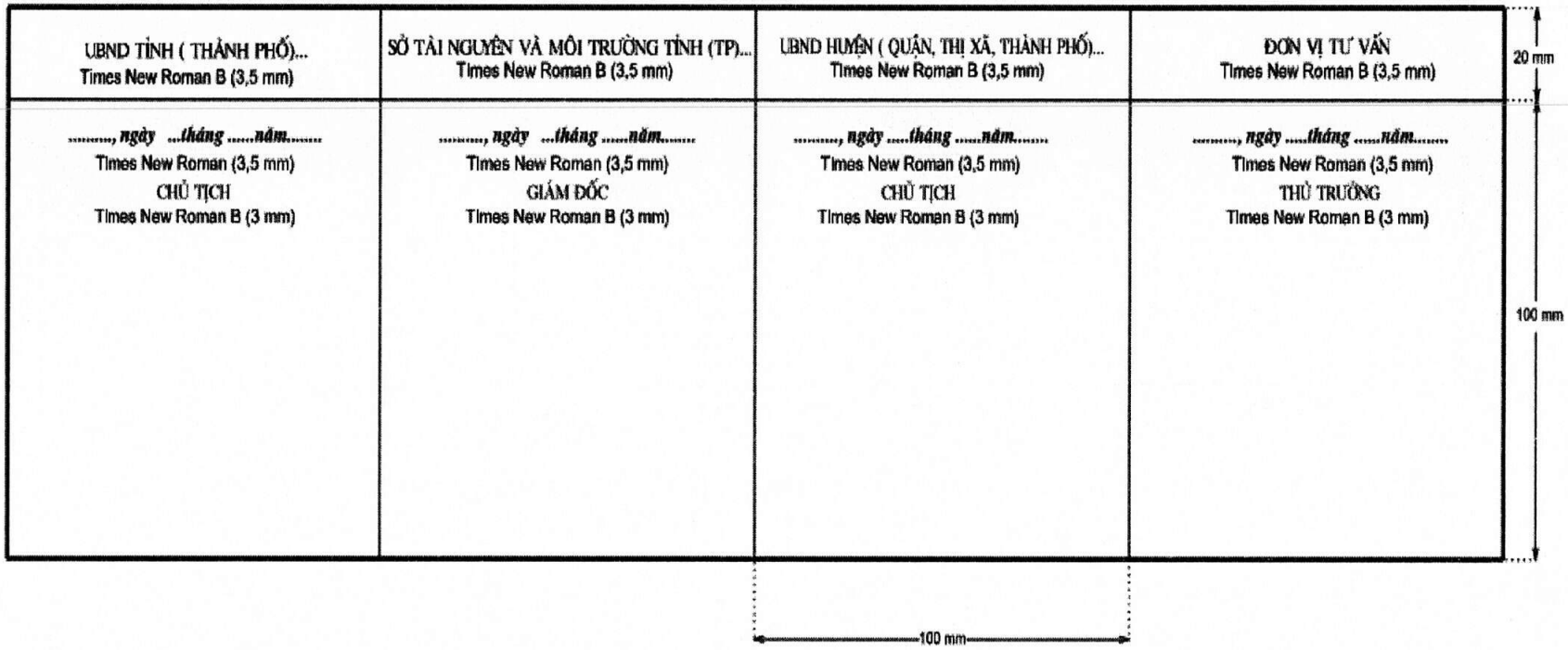

8.13. MẪU CÁC BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ

1. Các loại bản đồ chuyên đề

a) Cấp quốc gia gồm các loại bản đồ chuyên đề: đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông được lập trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất quốc gia theo mẫu quy định tại Mục 8.1 Phụ lục này.

b) Cấp tỉnh gồm các loại bản đồ chuyên đề: đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất đô thị; đất giao thông; đất thủy lợi và bản đồ chuyên đề về các khu: khu sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn được lập trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh theo mẫu quy định tại Mục 8.2 Phụ lục này.

c) Cấp huyện gồm các loại bản đồ chuyên đề: bản đồ định hướng sử dụng đất; bản đồ các khu vực chuyển mục đích sử dụng đất; đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản; đất làm muối; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị, đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; du lịch; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn được lập trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện theo mẫu quy định tại Mục 8.3 Phụ lục này.

2. Số lượng bản đồ chuyên đề của cấp tỉnh và cấp huyện được lập theo loại đất có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cùng cấp.

PHỤ LỤC SỐ 07:
MẪU BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN ...[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../BC-UBND	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO
Về kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của ... [1]

Kính gửi: .....[2].

Ủy ban nhân dân ... [1] báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến ngày 31 tháng 12 năm ... như sau:

1. Tình hình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

2. Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (theo các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt, đặc biệt đối với chỉ tiêu đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên):

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất.

2.2. Kết quả thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án (có danh mục công trình, dự án kèm theo).

2.3. Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

(Báo cáo phải xác định rõ các chỉ tiêu sử dụng đất và các công trình, dự án từ năm trước chuyển sang; các chỉ tiêu sử dụng đất và công trình, dự án chuyển sang năm sau hoặc công bố hủy bỏ).

3. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4. Kết luận, kiến nghị.

Nơi nhận: - Như trên; - ... - ...	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH**

Phụ biểu 01:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA .....[1]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo...[3] (ha)	Tổng hợp diện tích QH, KHSDĐ các ....[4] đã được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Kết quả thực hiện đến 31/12/20... (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)/(3)*100%

Phụ biểu 02:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA.....[1]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo...[3] (ha)	Tổng hợp diện tích QH, KHSDĐ các ....[4] đã được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Kết quả thực hiện đến 31/12/20... (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)/(3)*100%

Phụ biểu 03:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG CỦA.....[1]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt theo...[3] (ha)	Tổng hợp diện tích QH, KHSDĐ các ....[4] đã được phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Kết quả thực hiện đến 31/12/20... (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)/(3)*100%

[1] Cơ quan lập báo cáo.

[2] Cơ quan nhận báo cáo.

[3] Diện tích theo Nghị quyết hoặc Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

[4] Đơn vị hành chính thuộc cơ quan lập báo cáo.

Mẫu số: 6.3/QĐ-UBND

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../QĐ-UBND	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm ...huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương)...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương)...tại Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm ... ; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số...ngày...tháng...năm...,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm... huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương)... với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất(3)	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính			
				Xã ...	Xã ...	Xã ...	.....
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã …	Xã …	Xã …	…..
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+…	(5)	(6)	(7)	(8)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã …	Xã …	Xã …	…..
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+…	(5)	(6)	(7)	(8)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
				Xã …	Xã …	Xã …	…..
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+…	(5)	(6)	(7)	(8)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương)…có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương)…, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương)… chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

12. Thủ tục: Lồng ghép vốn trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch, lập dự toán hàng năm ở cấp tỉnh

- Trình tự thực hiện: Công tác lồng ghép vốn được thực hiện đồng thời với các bước lập kế hoạch đầu tư, lập dự toán hàng năm:

**** Bước 1:*** Các cơ quan chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan rà soát nội dung hoạt động, dự kiến mức vốn, xây dựng kế hoạch 05 năm và dự kiến mức bố trí, nội dung hoạt động, danh mục dự án đầu tư đối với kế hoạch hàng năm.

**** Bước 2:*** Gửi lấy ý kiến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước khi tham mưu Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025 và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tiếp.

+ Trực tuyến (thông qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành).

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện: Các Sở ban ngành, UBND cấp huyện.

- Cơ quan giải quyết:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt dự toán, dự án.

- Phí, lệ phí: Không quy định.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

+ Lồng ghép nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động, nội dung có cùng mục tiêu và trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện.

+ Đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án; giảm thiểu chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung; tránh dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn.

+ Quá trình lồng ghép phải được thực hiện đồng bộ từ khâu xây dựng chính sách, lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách và sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn.

+ Tập trung lồng ghép các nguồn vốn thực hiện nội dung, hoạt động trên địa bàn các huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép; thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép; thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép phù hợp với thực tế tại địa phương.

+ Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện hoạt động lồng ghép.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

+ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

+ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

+ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

+ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 của quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

+ Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về ban hành Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025.